

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Tô Thanh Xuân
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH VẠN TÀI PHONG VŨ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Tô Thanh Xuân
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Tô Thanh Xuân

Mã SV: 1412401244

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - ✓ Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
 - ✓ Đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Sử dụng số liệu kế toán năm 2017 của Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Tô Thanh Xuân

ThS. Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Ths. Trần Thị Thanh Phương
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Tô Thanh Xuân Chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có ý thức tự giác trong công việc , nghiêm túc, thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Thái độ làm việc nghiêm túc, có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập.
- Tuân thủ đúng yêu cầu và tiến độ thời gian, nội dung nghiên cứu đề tài cho giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống báo được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất - kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toán công tác kế toán của đơn vị thực tập,
- Những số liệu minh họa trong khóa luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán có độ tin cậy.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp.	4
1.1.3.1. Khái niệm và phân loại doanh thu.	4
1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	6
1.1.4. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:	7
1.1.5. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	8
1.2. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo TT 133/2016/TT-BTC.	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:	11
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:	11
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán:	13
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:	15
1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán	15
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:	16
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng	16
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán	19
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	21
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:	21
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:	21
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán:	22
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	24
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	24

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	24
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán:	25
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và Chi phí khác.	27
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:	27
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:	27
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán:	28
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	31
1.2.6.1: Chứng từ sử dụng	31
1.2.6.2: Tài khoản sử dụng:	31
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán:	33
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	35
1.3.1. Hình thức nhật ký chung	35
1.3.2: Hình thức Nhật ký - Sổ cái	36
1.3.4. Hình thức chứng từ ghi sổ	37
1.3.5. Hình thức kế toán máy.....	38
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI PHONG VŨ	40
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ.	40
2.1.1. Giới thiệu chung về công ty và đặc điểm sản xuất kinh doanh.....	40
2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ.	41
2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ	42
2.1.4 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ	43
2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ. ...	44
2.1.5.1 Bộ máy kế toán tại Công ty	44
2.1.5.2 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty	45
2.1.5.3 Hình thức sổ sách kế toán	46
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vận tải Phong Vũ.....	48
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	48
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	59
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	64
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	64

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	64
2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh	68
CHƯƠNG III MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC	
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH	
DOANH TẠI.....	76
3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	76
3.1.1. Ưu điểm.....	76
3.1.2. Nhược điểm.....	78
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ.....	78
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi.....	78
3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ.	79
KẾT LUẬN	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	89

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn. Bởi vậy, các doanh nghiệp cần chủ động và sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác, để tạo cho mình lợi thế cạnh tranh để tồn tại và phát triển.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với các cơ quan nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính. Và công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, sau thời gian tìm hiểu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ, em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ”** cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung bài khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ.

Mặc dù, nhận được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của tập thể ban lãnh đạo, phòng kế toán của công ty, đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn

Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương nhưng do thời gian còn nhiều hạn chế, phạm vi đề tài rộng, khả năng nghiên cứu còn hạn chế nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô và các cán bộ kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần...

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn cần thiết đối với các đối tượng quản lý khác như các nhà đầu tư, ngân hàng, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế.

+ Với doanh nghiệp các thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

+ Với các nhà đầu tư đó là cơ sở để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, đầu tư từ đó đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Với các trung gian tài chính, ngân hàng thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định vay vốn đầu tư.

+ Với các cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có cái nhìn tổng quan nhất về sự phát triển của nền kinh tế.

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa; bán hàng và xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

- Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.1.3. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Khái niệm và phân loại doanh thu.

* Khái niệm:

- Doanh thu: Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

* Phân loại doanh thu:

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

+ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia

+ Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

+ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

+ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

+ Lãi tỷ giá hối đoái

+ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

+ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

- Thu nhập khác: Là các khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

+ Thu về nhượng bán thanh lý tài sản

+ Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng

+ Thu tiền bảo hiểm được bồi thường

+ Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ

+ Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại

+ Các khoản tiền thưởng của khách hàng

+ Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

*** Chiết khấu thương mại:**

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì giá bán trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại), doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

*** Giảm giá hàng bán:**

Là giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng .

*** Hàng bán bị trả lại:**

Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng kinh tế: như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng , số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn(nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn(nếu trả lại một phần).

* Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

- Thuế TTĐB: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp tiêu thụ những hàng hoá đặc biệt thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế TTĐB.

- Thuế XK: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế GTGT trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng

$$\text{Giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ} = \text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra} - \text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}$$

1.1.4. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:

* Khái niệm: Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

* Phân loại chi phí:

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh:**

+ Chi phí bán hàng: Là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí nhân viên bán hàng, các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

- **Chi phí tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

- **Chi phí khác:** Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như:

- + Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản
- + Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- + Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- + Các khoản chi phí khác .

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.5. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Được biểu hiện bằng tiền phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện. Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

Trong đó

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

* Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{động tài chính} \end{array}$$

* Kết quả hoạt động khác:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động khác} & = & \text{Thu} & \text{nhập} & - & \text{Chi phí khác} \\ & & & \text{khác} & & \end{array}$$

1.2. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo TT 133/2016/TT-BTC.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Phải xác định chính xác thời điểm ghi nhận doanh thu: Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ từ người bán sang người mua.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Người bán đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Người bán không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác)

+ Người bán đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ chuẩn mực kế toán cũng quy định doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

* Phải nắm vững cách thức xác định doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi xuất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá chưa thuế giá trị gia tăng

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán bao gồm thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu

+ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công

+ Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng

+ Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...
- Phiếu xuất kho và phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

* **TK 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.”**: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư;
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....
- Doanh thu khác.

* **Tài khoản này gồm 4 tài khoản cấp 2 như sau:**

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa;
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm;
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác.

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh". 		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

*** TK 333 - “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”**

Tài khoản này gồm 9 tài khoản cấp 2 trong đó để theo dõi các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau:

- TK 3331 “ Thuế GTGT ”
- TK 3332 “ Thuế tiêu thụ đặc biệt ”
- TK 3333 “ Thuế xuất, nhập khẩu ”

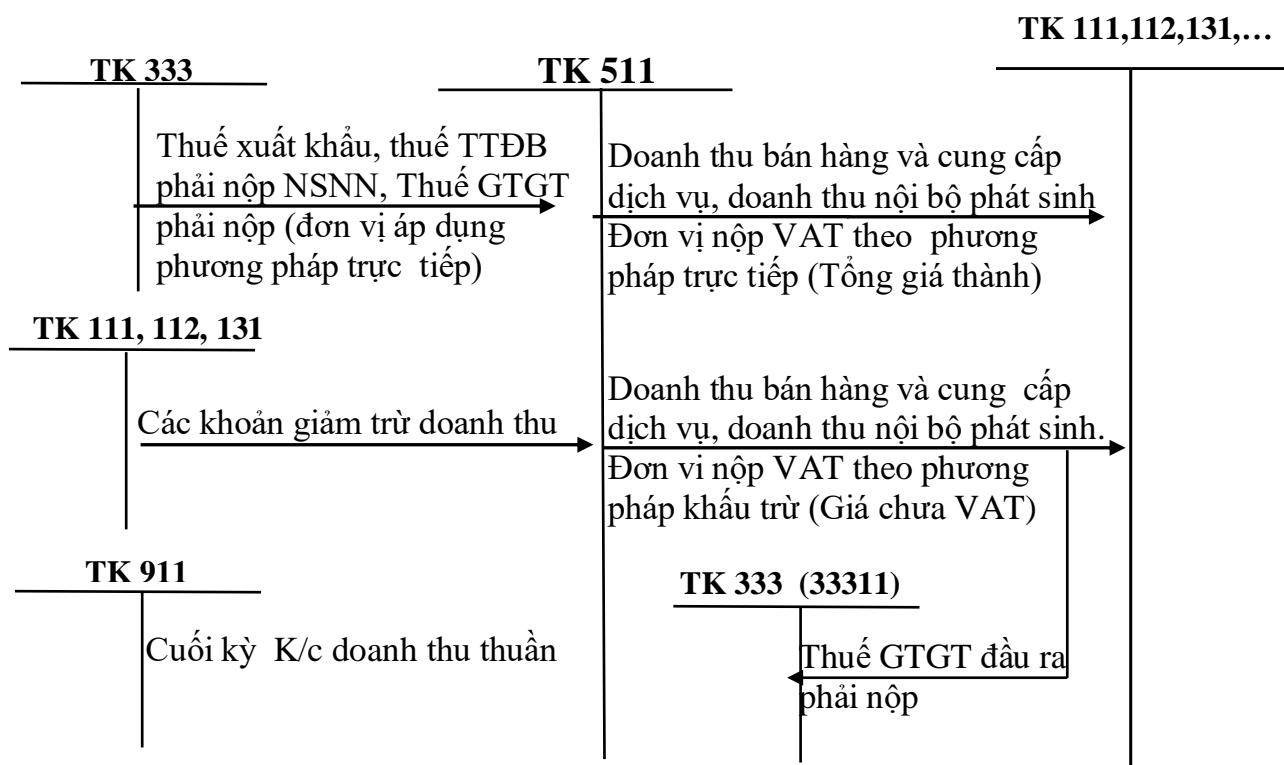
Nợ	333	Có
		SDĐK
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có
		SDCK

- Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

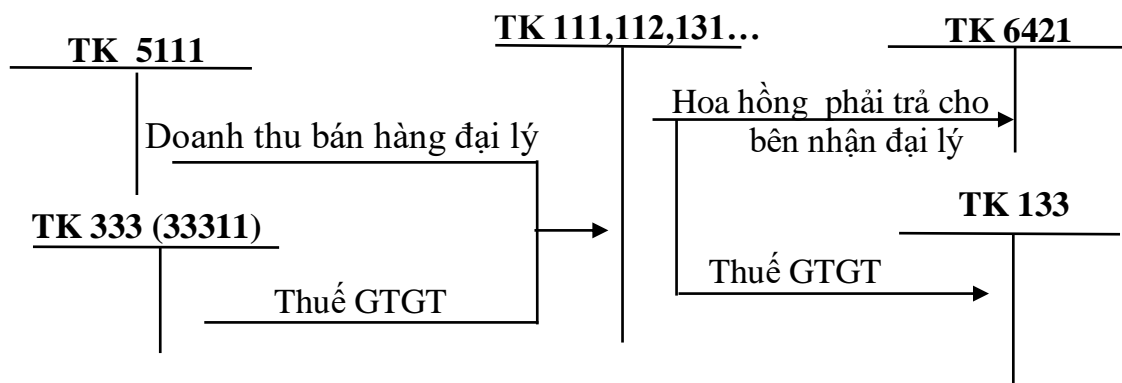
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán:

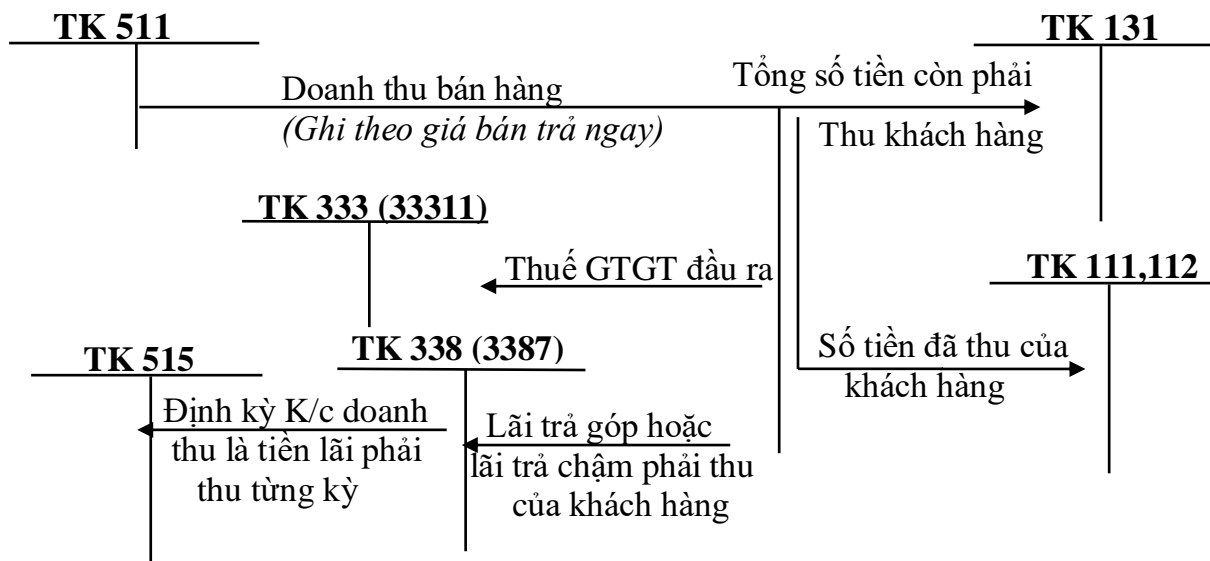
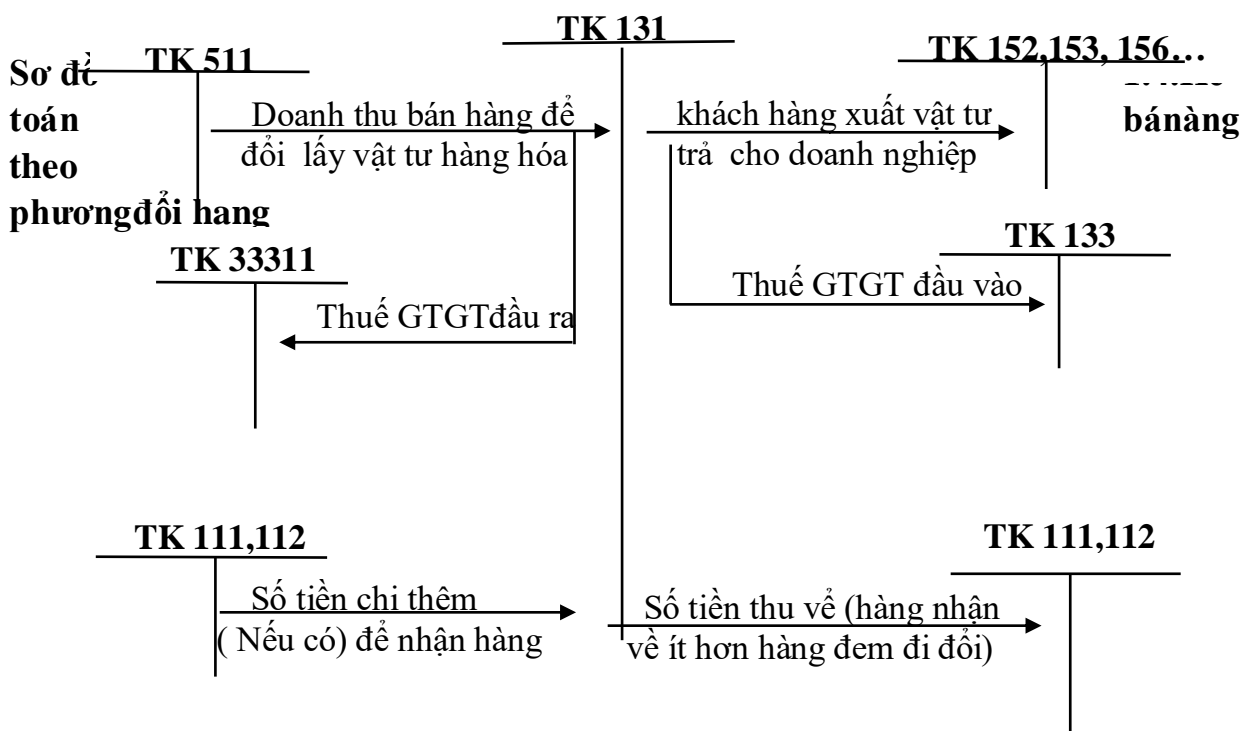
- Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.2. Kế toán bán hàng thông qua đại lý



Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp**Sơ đồ 1.4. Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:**1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán**

Muốn xác định đúng kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng dẫn trị giá vốn hàng bán. Việc tính trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu hàng hoá giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng.

- Các phương pháp tính giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 3 phương pháp sau:

+ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

+ Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

+ Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau mỗi lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau mỗi lần nhập}_i}$$

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán liên quan

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”**

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 “Giá thành sản xuất”**

* **Tài khoản 632 - “Giá vốn hàng bán”**: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư....

- Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Nợ	632	Có
<p><i>Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:</i></p> <p>Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ;</p> <p>Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ</p> <p>Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;</p> <p>Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;</p> <p>Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</p> <p><i>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:</i></p> <p>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;</p> <p>+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;</p> <p>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.</p>	<p>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;</p> <p>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;</p> <p>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</p> <p>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho;</p> <p>- Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).</p> <p>- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.</p> <p>- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.</p>	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có	

- Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

+ Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Nợ	632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

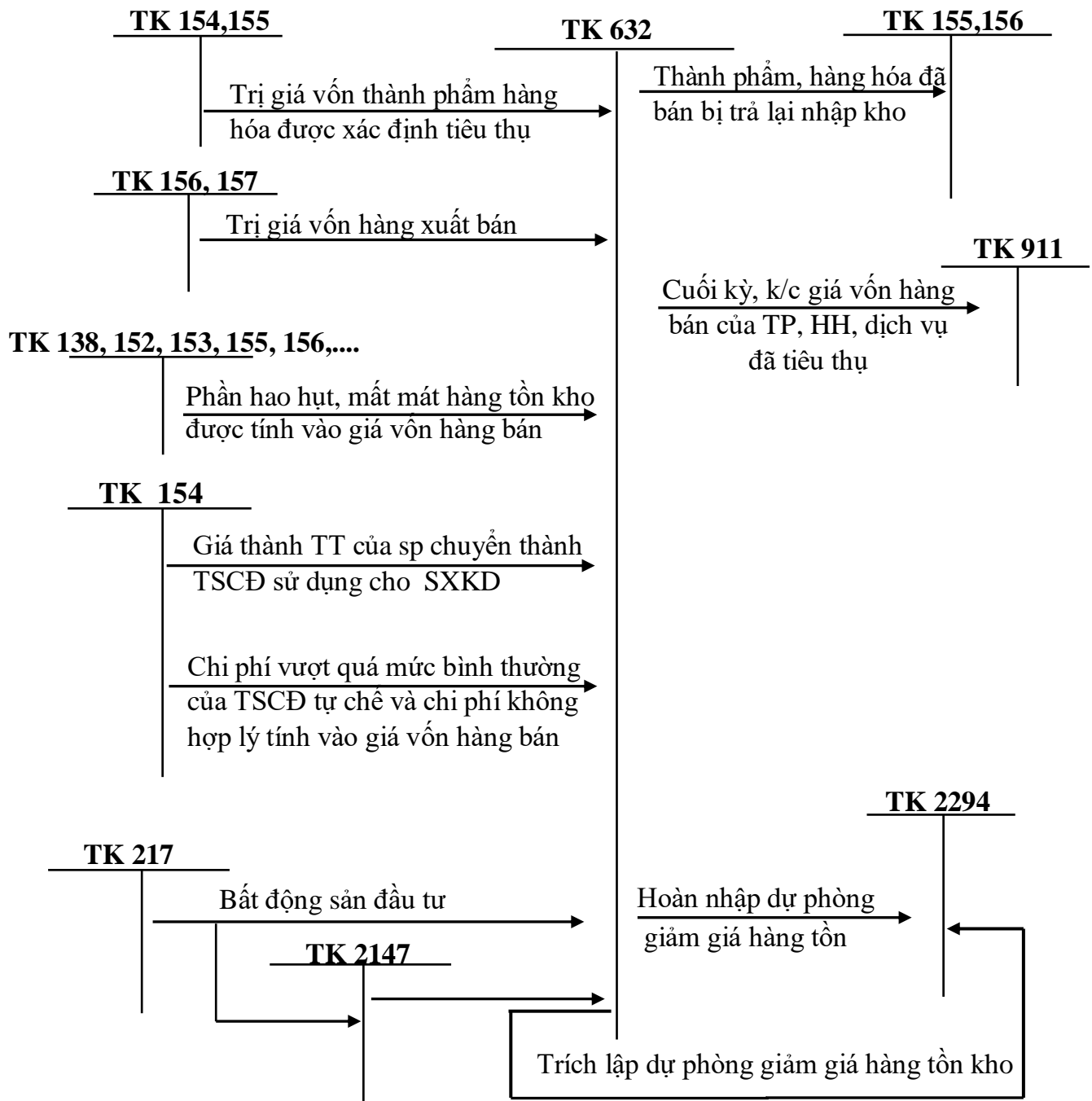
+ Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

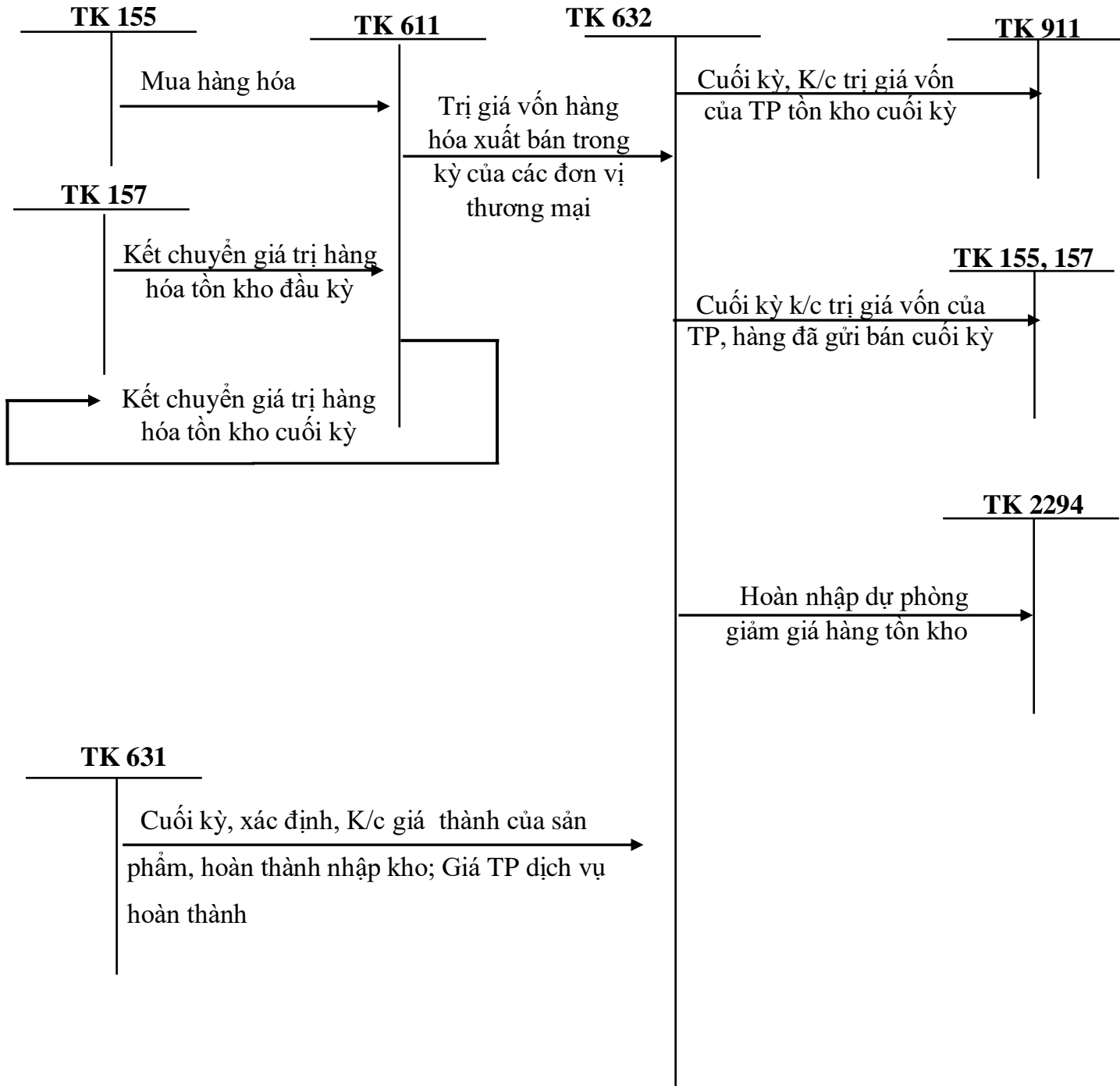
Nợ	632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết); - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Các chứng từ gốc có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

* **TK 642 – “Chi phí bán quản lý kinh doanh”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

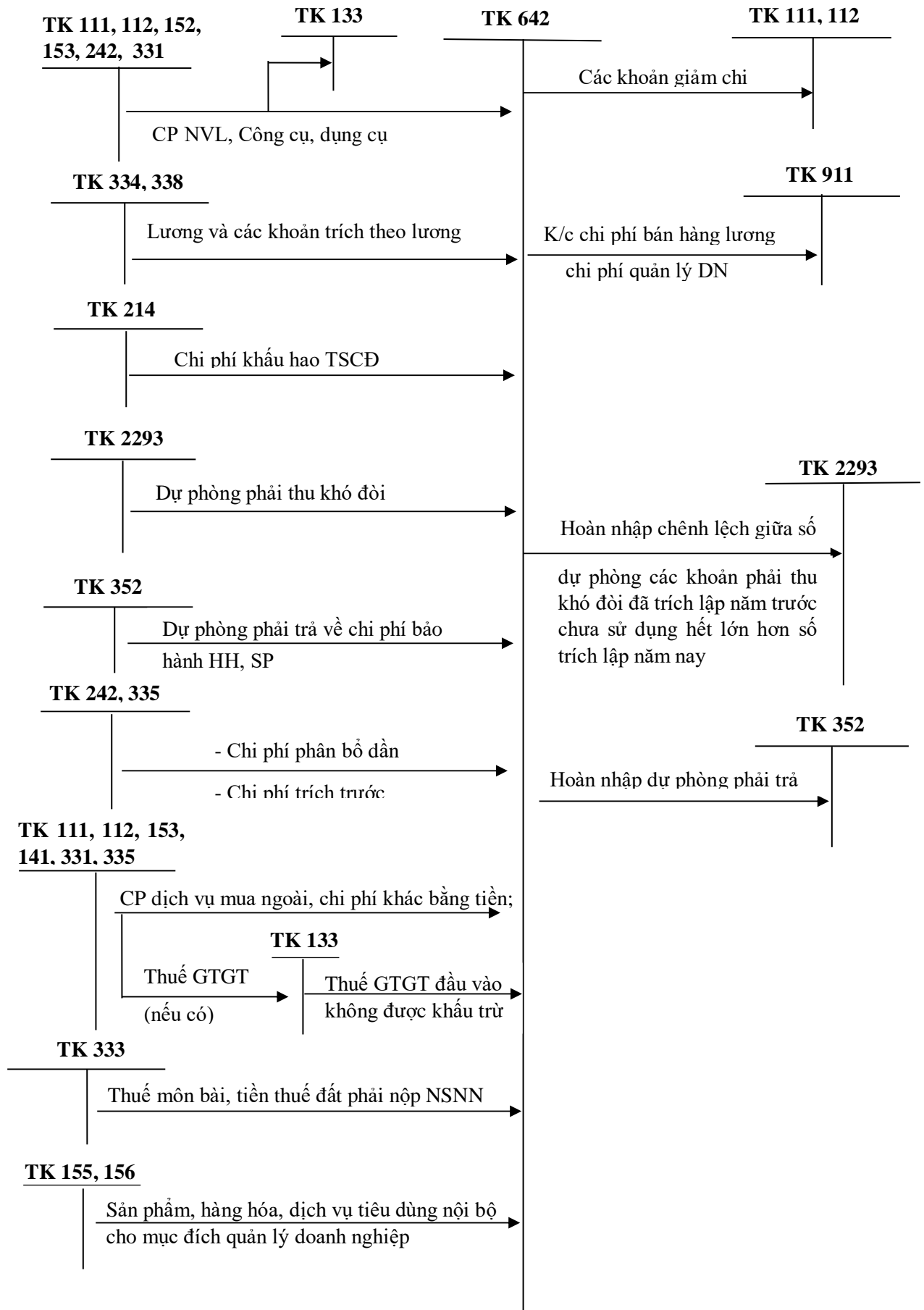
* **Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2**

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Các hợp đồng vay.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Nợ	515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết... - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

* **TK 635 - “Chi phí tài chính”:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí

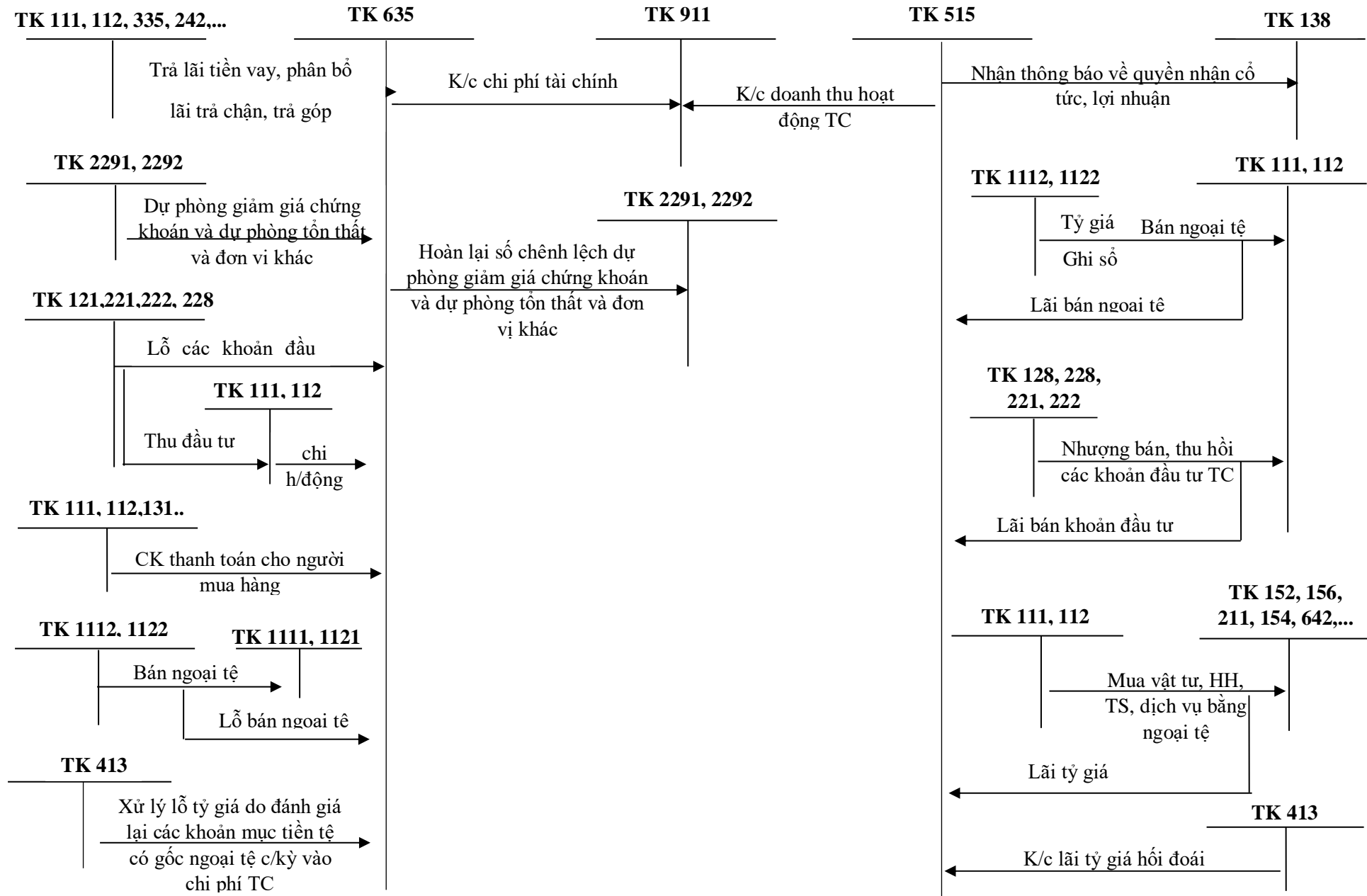
tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết..., dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Nợ	635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện). - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện). - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.8.

Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và Chi phí khác.**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn Giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy ủy nhiệm chi, GBC của Ngân hàng...;
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:

* **TK 711 – “Thu nhập khác”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

*** Kết cấu tài khoản 711:**

Nợ	711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

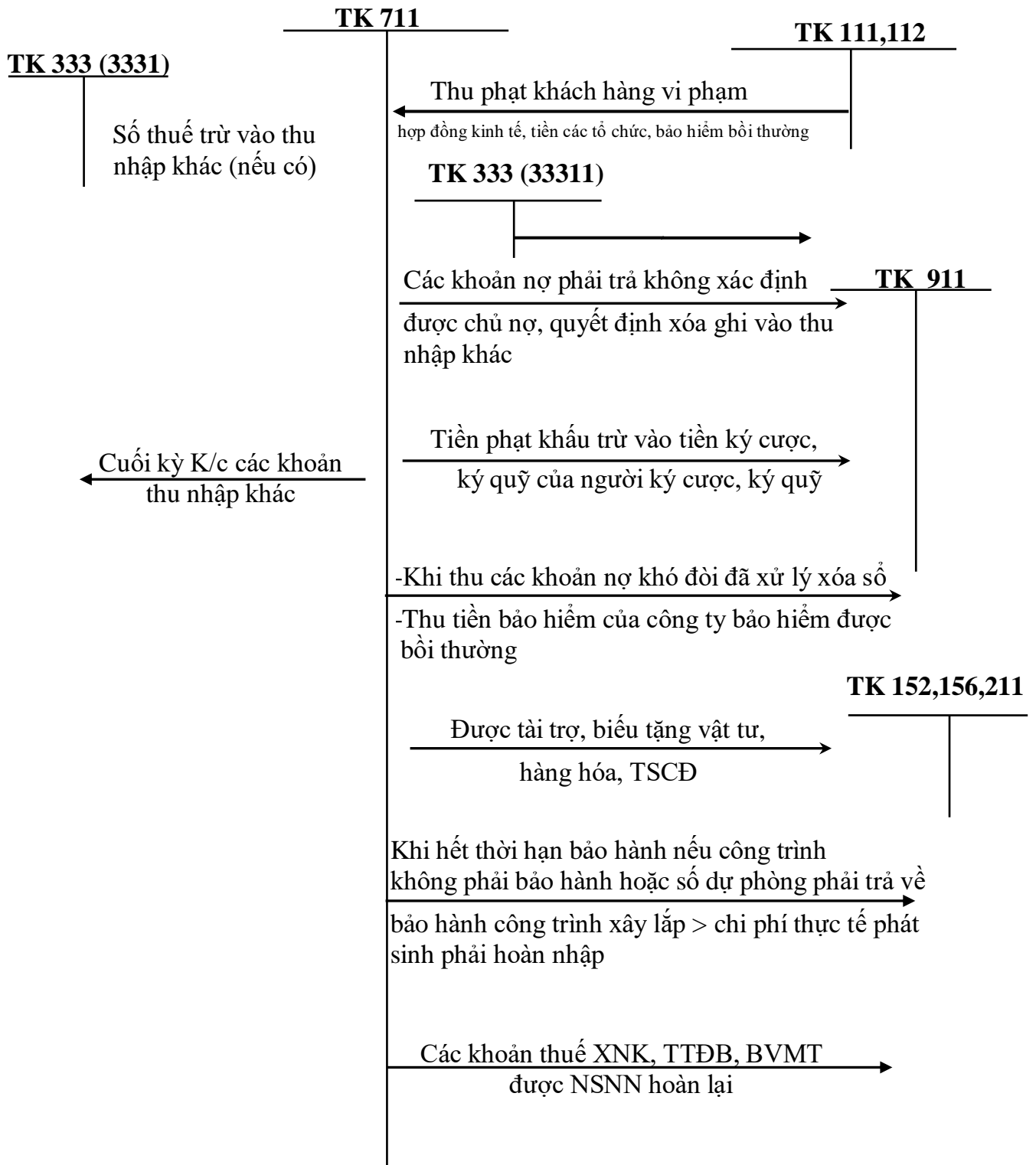
* **TK 811 - “ Chi phí khác ”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

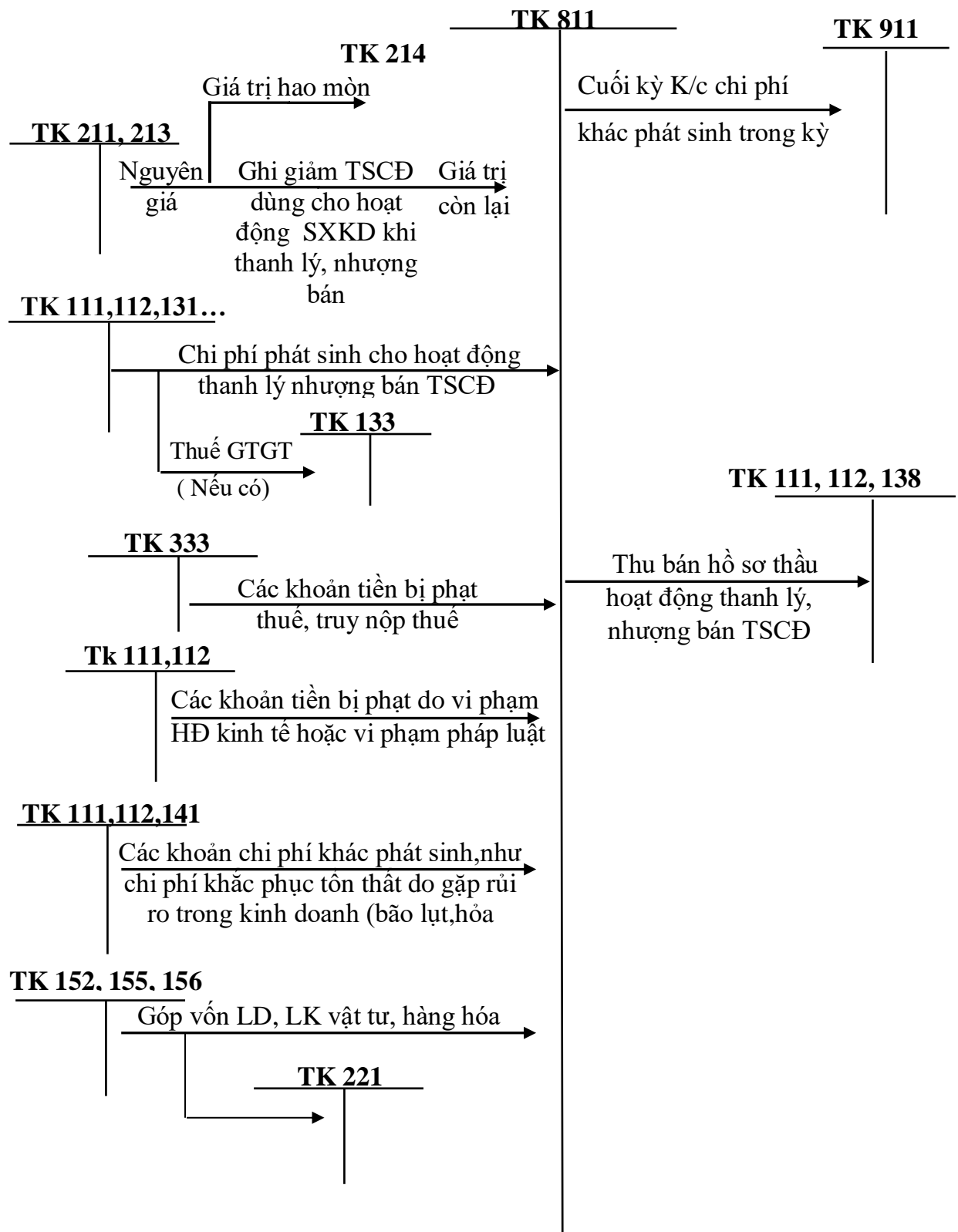
*** Kết cấu tài khoản 811:**

Nợ	811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh		Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán thu nhập từ hoạt động khác và chi phí từ hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.9 và 1.10

Sơ đồ 1.9. Kế toán thu nhập khác

Sơ đồ 1.10. Kế toán chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**1.2.6.1: Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán.

1.2.6.2: Tài khoản sử dụng:

* **TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”**: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Nợ	911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

* **TK 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”**: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

*** Kê cấu tài khoản 821:**

Nợ	821	Có
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại		Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh giảm do số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số phải nộp theo số quyết toán thuế TNDN trong năm; - Chi phí thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào bên nợ tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

* **Tài khoản 421 - “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”**: Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của DN.

* **Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2**:

- Tài khoản 4211 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước
- Tài khoản 4212 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay

* **Kết cấu tài khoản**:

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

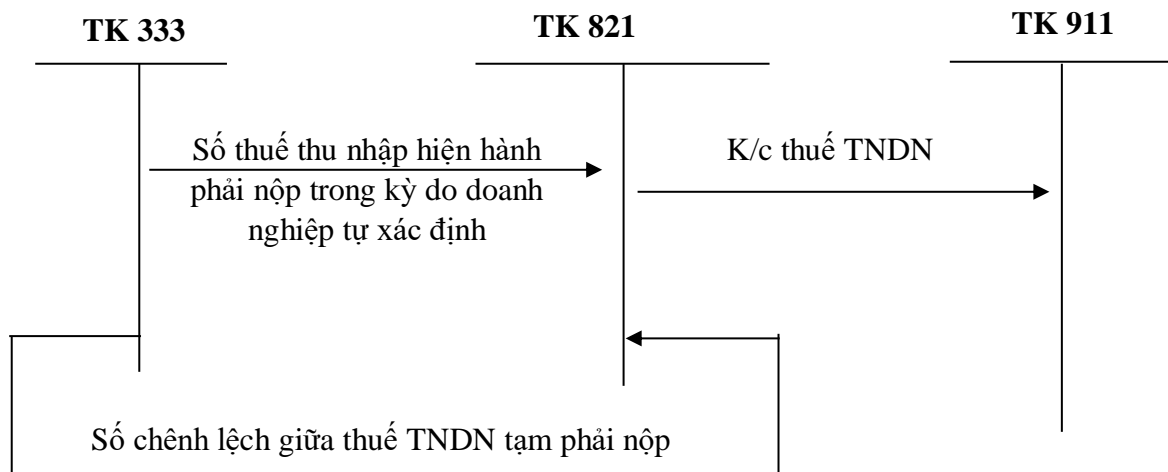
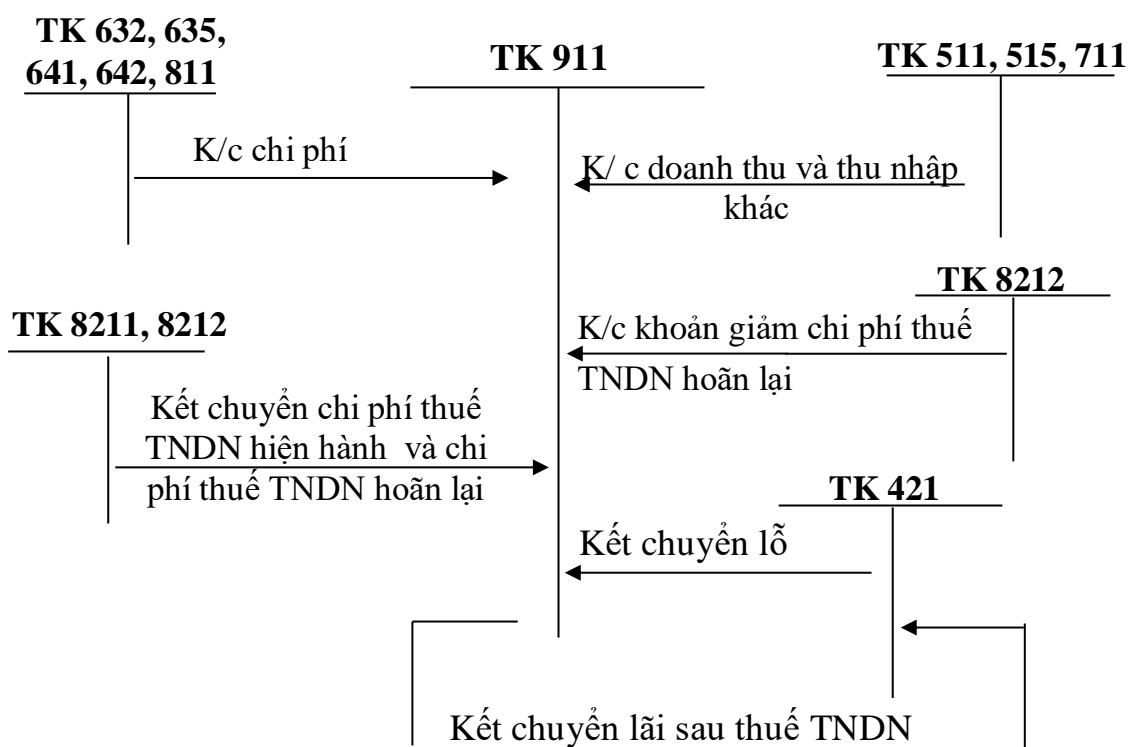
- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

- Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.11, 1.12.

Sơ đồ 1.11. Kế toán chi phí thuế TNDN*Sơ đồ 1.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh*

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Theo TT 133/2016, các DN có thể áp dụng ghi sổ kế toán theo một trong 4 hình thức kế toán mà Bộ Tài chính ban hành sau:

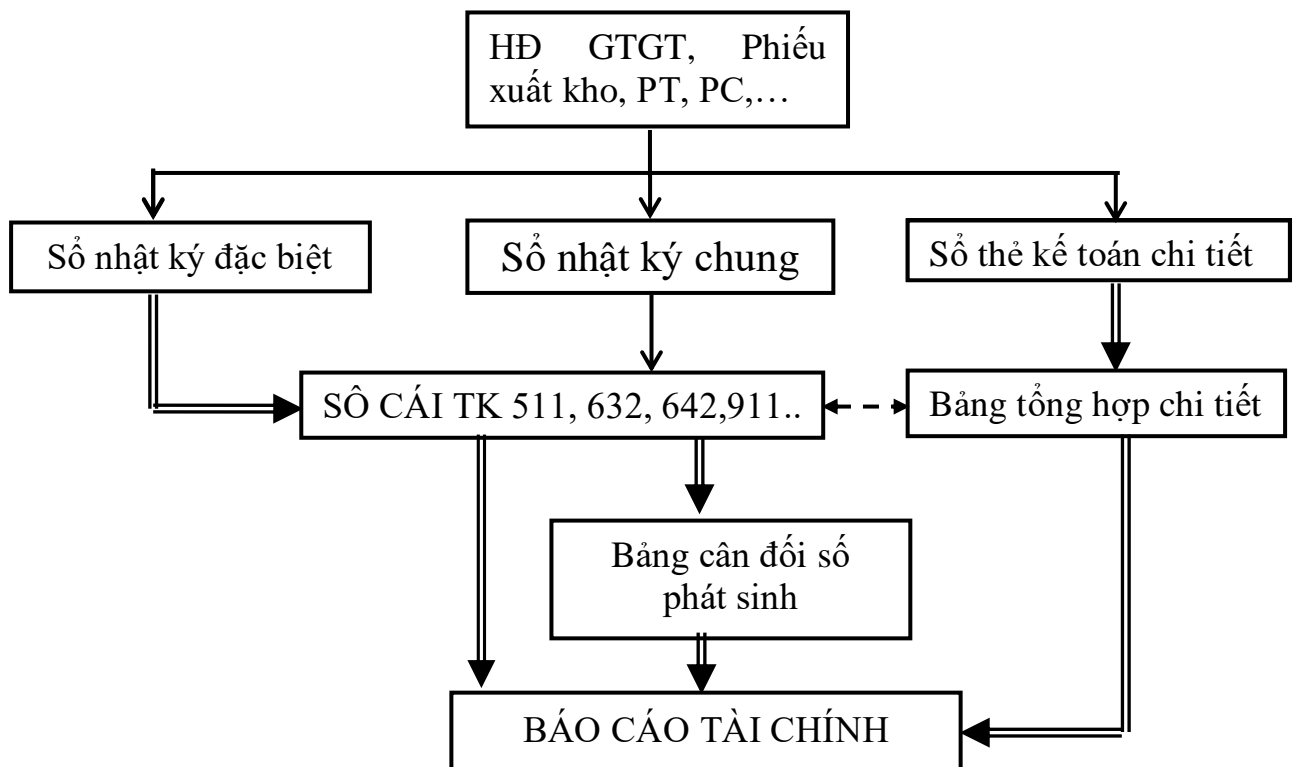
- + Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung;
- + Hình thức sổ kế toán Nhật ký sổ cái;
- + Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ;
- + Hình thức kế toán máy.

1.3.1. Hình thức nhật ký chung

- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung là tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái.

Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

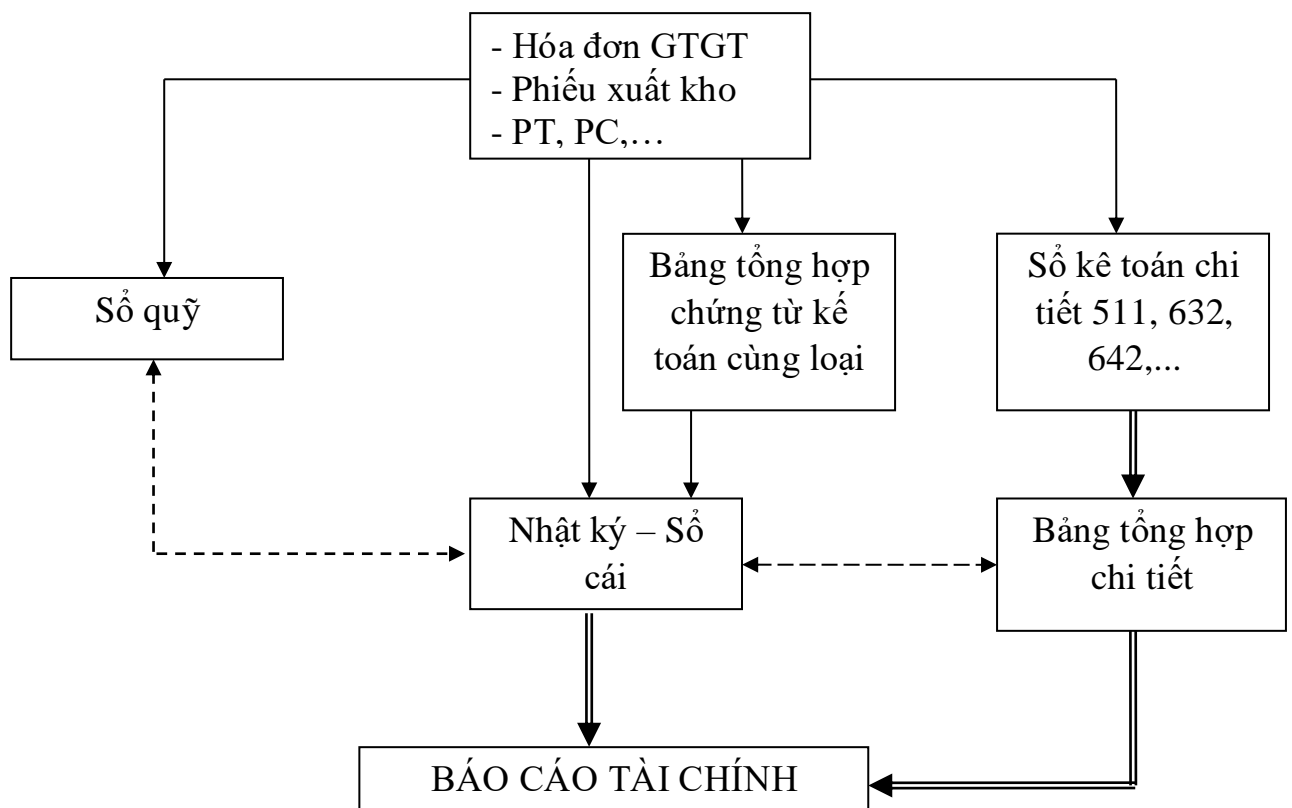
Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

1.3.2: Hình thức Nhật ký - Sổ cái

Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký – Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ theo phương pháp Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ để ghi sổ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

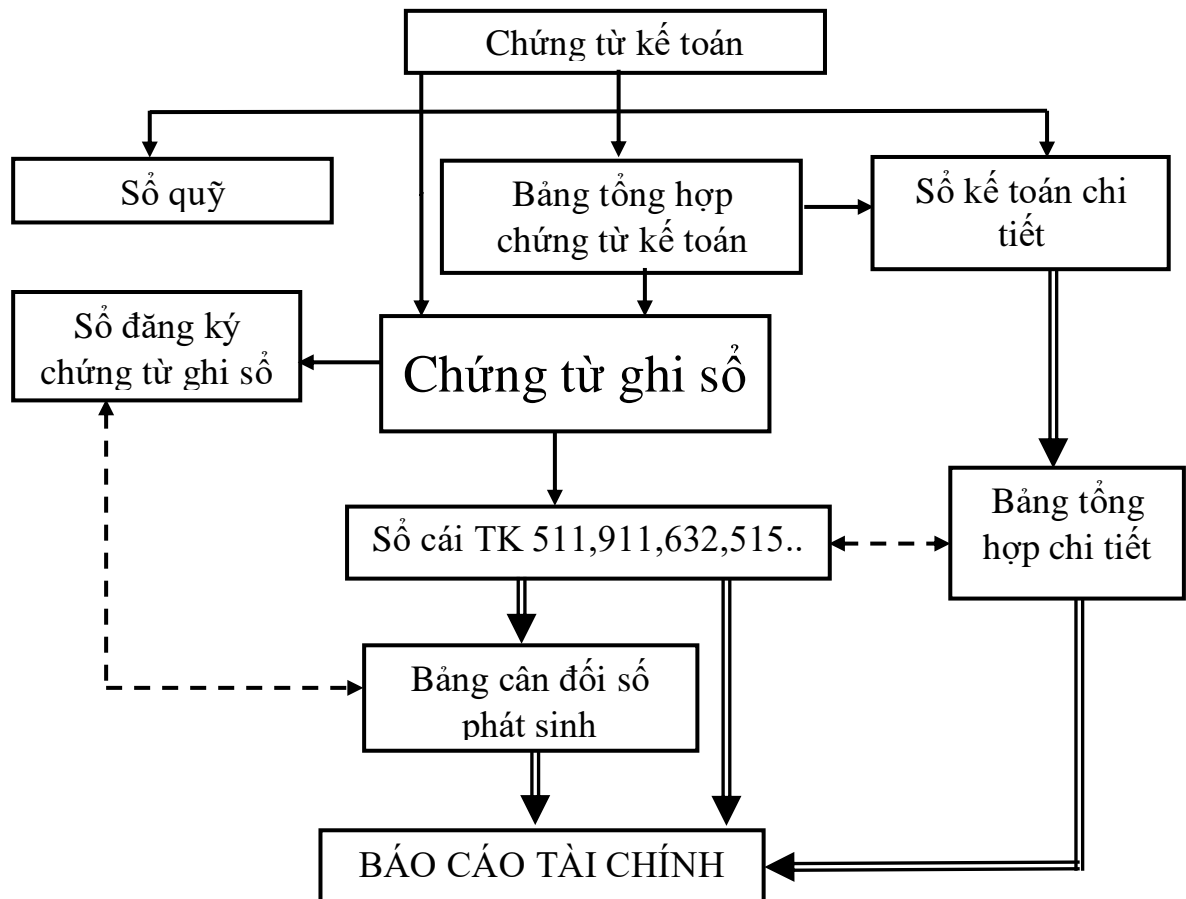
Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần nhật ký và các cột nợ, cột có của tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh đầu quý và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối quý của tài khoản trên trên Nhật ký – Sổ cái.

Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu và dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.4. Hình thức chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.15. Trình tự kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

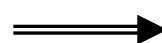


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



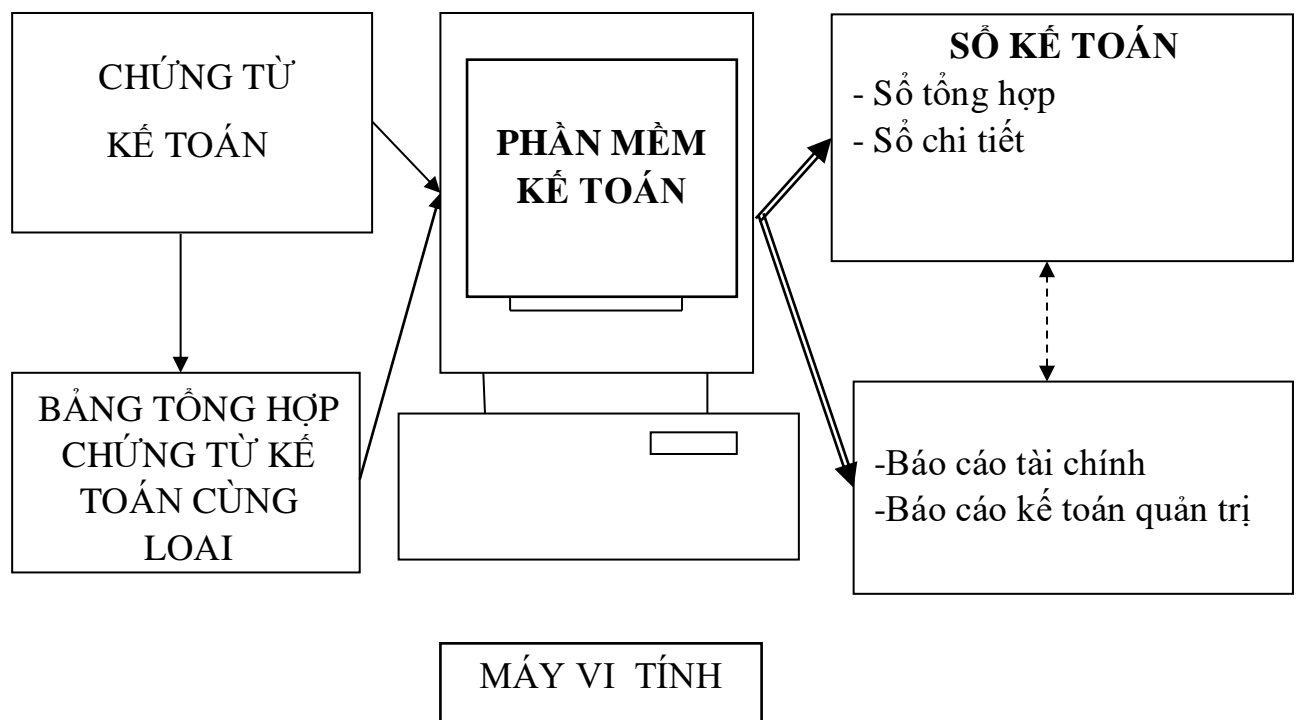
Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Kế toán lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào đó để vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, số dư trên Sổ cái rồi căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

1.3.5. Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên.

Sơ đồ 1.16. Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ← - - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán;

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI PHONG VŨ****2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ.****2.1.1. Giới thiệu chung về công ty và đặc điểm sản xuất kinh doanh.**

Tên : CÔNG TY TNHH VẬN TẢI PHONG VŨ

Đại diện PL : Tô Đình Vũ

Địa chỉ : Số 316 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế : 0200493271

Giấy phép kinh doanh: 0202000984

Ngày cấp phép : 07/11/2002

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI PHONG VŨ được thành lập từ năm 2002, và chính thức đi vào hoạt động ngày 07/11/2002. Công ty có tư cách pháp nhân, sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của nhà nước.

Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành, trải qua 7 năm kinh doanh và phát triển hiện nay Công ty đã trưởng thành và dần khẳng định được vị trí của mình trong ngành kinh doanh vận tải đường bộ. Với vốn điều lệ là 5 tỉ để đầu tư và hoàn thiện các chức năng vốn đã được khẳng định qua uy tín thương hiệu trên thị trường.

Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ là thế mạnh của Vận tải Phong Vũ. Công ty đã từng bước xây dựng được hệ thống khách hàng tiềm năng và luôn mở rộng thêm khách hàng mới.

Trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động kinh doanh dịch vụ uy tín được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng khi sự cố xảy ra. Thông tin về hàng hóa thường xuyên được cập nhật, được khách hàng tin cậy và đánh giá cao.

2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ.

* Những ngành nghề kinh doanh của công ty

STT	Mô tả	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
6	Bốc xếp hàng hóa	5224
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

* *Thuận lợi của công ty:*

Nhà nước đang chú trọng rất nhiều vào ngành này. Thông qua việc soạn thảo, ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ để ngành phát triển tốt nhất.

Các tuyến đường đã được cải thiện rõ rệt, quốc lộ 1A mở rộng cơ bản đã được thông suốt nên chất lượng dịch vụ của công ty cũng được cải thiện đáng kể, gây dựng được nhiều uy tín cho khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

* *Khó khăn:*

Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ có quy mô sản xuất kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ và bị hạn chế về nhiều mặt như thị trường, vốn... Ngoài ra sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là một trở ngại lớn đối với Công ty.

2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ

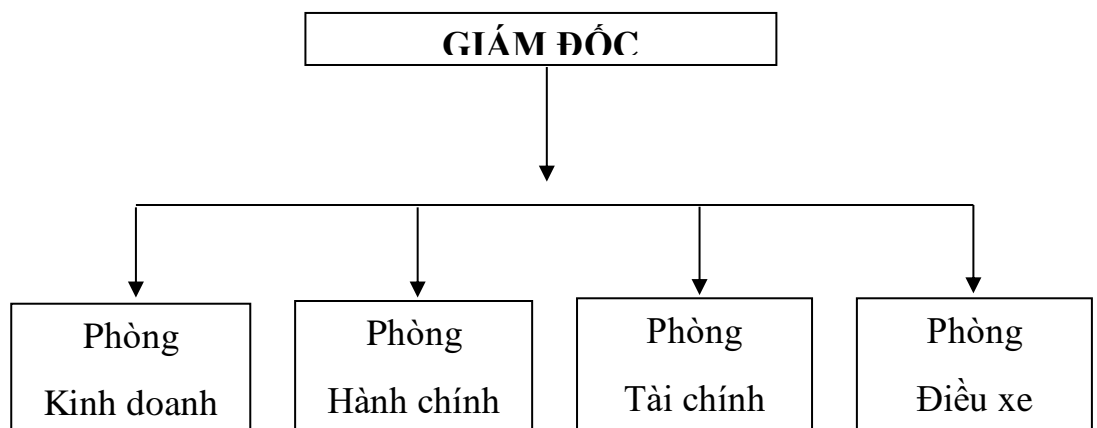
Công ty có đội ngũ công nhân viên hầu hết đã qua các trường lớp đào tạo, đội ngũ cán bộ quản lý đều có trình độ đại học và trên đại học. Nhân viên có kinh nghiệm thực tế, Ban giám đốc Công ty có sự năng động, nhạy bén trong công tác quản lý điều hành và nắm bắt thị trường.

- Bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo quản lý và hoạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm, có hiệu quả.

- Phòng kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, với đội ngũ kế toán có trình độ cao, năng lực, nhiệt tình và trung thực phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới. Tổ chức công tác kế toán quản trị, tài chính rõ ràng, khoa học giúp giảm bớt khối lượng kế toán.

Để đảm bảo công tác quản lý và điều hành một cách thuận lợi và có hiệu quả. Công ty đã áp dụng cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ



** Chức năng và nhiệm vụ cụ thể:*

Giám đốc: là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty.

Các phòng ban: Mỗi phòng ban đều có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng đều có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau tạo thành quy trình khép kín có hiệu quả.

+ *Phòng Kinh doanh:* Tham mưu cho Giám đốc về công tác lập kế hoạch và lên phương án kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ của Công ty, nghiên cứu phát triển thị trường, xây dựng các mối quan hệ khách hàng;

+ *Phòng Tài chính:* Quản lý, kiểm tra hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê, đáp ứng nhu cầu về tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Giúp Giám đốc về công tác thống kê, đảm bảo nguồn vốn, tổ chức hạch toán, phản ánh chính xác, đầy đủ số liệu, lưu trữ hồ sơ;

+ *Phòng điều xe:* Tổ chức quản lý, điều hành và sử dụng xe đúng theo kế hoạch đơn hàng. Lập kế hoạch dự trù sửa chữa xe; thanh quyết toán chi phí hàng tháng. Kiểm tra, theo dõi về mặt kỹ thuật xe thường xuyên và đúng định kỳ theo quy định;

+ *Phòng Hành chính nhân sự:* Có chức năng tổ chức, quản lý nhân sự, giải quyết các chế độ cho người lao động theo đúng quy định của công ty và luật lao động. Tiếp nhận và xử lý các công việc nội bộ trong doanh nghiệp, soạn thảo, lưu trữ và phát hành văn bản con dấu có tính chất pháp lý, đảm bảo công tác văn phòng phẩm cho toàn công ty...

2.1.4 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Doanh thu	Đồng	21.926.416.412	26.208.306.047
Lợi nhuận	Đồng	402.551.437	114.463.636

- Doanh thu của công ty qua các năm có sự biến động. Cụ thể năm 2017 có xu hướng tăng so với năm 2016 là 4.281.889.635 tương đương với 19,5%

- Lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2017 lại bị giảm so với năm 2016 là 288.387.801 tương đương 71.63%.

Trong thời kì hội nhập hiện nay các doanh nghiệp bị lâm vào khủng hoảng và lạm phát tăng cao. Tuy các chỉ tiêu kết quả kinh doanh của công ty năm 2017

đều giám so với năm 2016 nhưng công ty vẫn có những chiến lược kinh doanh thông minh để giữ được mức làm ăn có lãi.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã được đầu tư nâng cấp cả về cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị máy móc kỹ thuật, công nghệ hiện đại, chuyên phục vụ công tác cung cấp dịch vụ,... Cùng với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, đội ngũ nhân viên năng động, nhiệt tình.

Ngày nay, trên nền tảng của những thành công đã đạt được trong những năm qua và năng lực hiện tại, Công ty khẳng định được vị thế của mình trong ngành dịch vụ vận tải tại Việt Nam. Công ty đã có được sự tin tưởng và tín nhiệm từ phía khách hàng.

Với quan điểm kinh doanh luôn tập trung vào sự hài lòng, tin cậy của khách hàng, đồng hành bền vững với đối tác trong các hoạt động kinh doanh, sản xuất. Công ty luôn nỗ lực và cố gắng hơn nữa để trở thành đơn vị vận chuyển hàng hóa nội địa tin cậy tại Việt Nam.

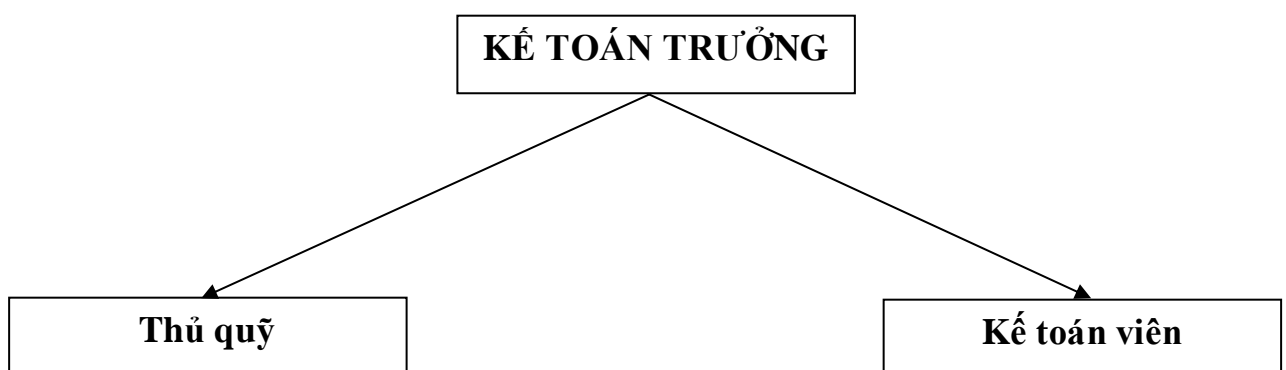
2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ.

2.1.5.1 Bộ máy kế toán tại Công ty

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận. Trong phòng, kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán của Công ty.

Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty theo mô hình tổ chức kế toán tập trung. Mọi chứng từ số liệu đều tập trung gửi về phòng Tài chính - Kế toán.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ



Kế toán trưởng: Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: các khoản công nợ phải thu phải trả, theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

Kế toán viên: Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, tiền mặt để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc. Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho vật tư, hàng hóa về mặt số lượng và tiền. Xuất, nhập, bảo quản kho vật tư, hàng hóa theo quy định của công ty.

Thủ quỹ: Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

2.1.5.2 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC của BTC dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng
- + Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Qui đổi thống nhất về Việt Nam đồng
- + Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ
- Ghi nhận và khấu hao TSCĐ
- + Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Theo nguyên giá
- + Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao theo đường thẳng
- Kế toán thuế theo phương pháp khấu trừ.

- Chế độ đối với HTK
- + Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Đánh giá theo giá trị thực tế
- + Phương pháp tính giá xuất kho là: Thực tế đích danh
- + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

2.1.5.3 Hình thức sổ sách kế toán

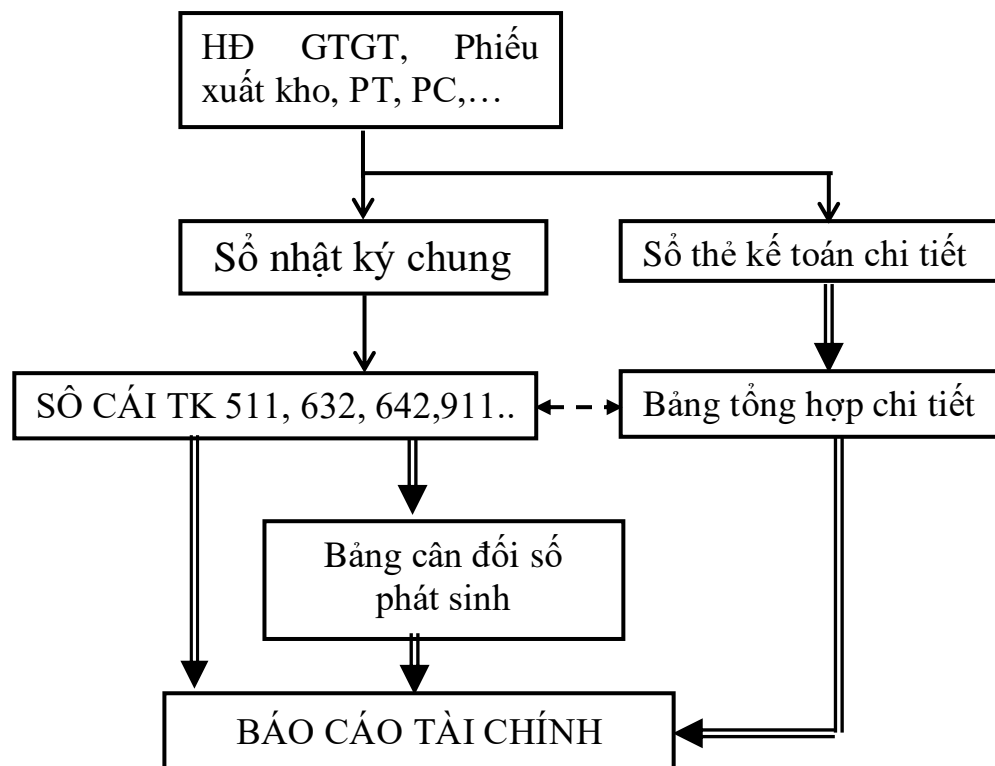
Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức **Nhật ký chung** để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

- **Đặc trưng của hình thức kế toán NKC:**

- **Các loại sổ sách sử dụng:**

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ chi tiết TK
- + Sổ cái các TK
- + Bảng tổng hợp chi tiết TK

Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung được lập theo *sơ đồ 2.3*

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→
- Đối chiếu, kiểm tra ←.....→

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vận tải Phong Vũ.

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty: Là một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, công ty có doanh thu chủ yếu từ cung cấp các sản phẩm dịch vụ như hoạt động vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký giữa các bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

- Phương thức thanh toán sẽ được thực hiện:

+ Phương thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)

+ Phương thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua sổ chi tiết TK 131, sổ tổng hợp chi tiết TK 131, sổ cái TK 131...

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Chứng từ sổ sách và tài khoản sử dụng**

- Để hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

+ TK 511: Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

+ TK 111, 112: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

+ TK 131: Phải thu của khách hàng

- Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

+ Hóa đơn GTGT, phiếu thu...

+ Giấy báo có của ngân hàng

+ Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

- Sổ chi tiết được sử dụng: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

- Các sổ tổng hợp: Sổ cái các tài khoản chi phí, doanh thu, sổ theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng.

*** Trình tự hạch toán**

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng (Hóa đơn GTGT)

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống gốc để tại phòng kế toán.

+ Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

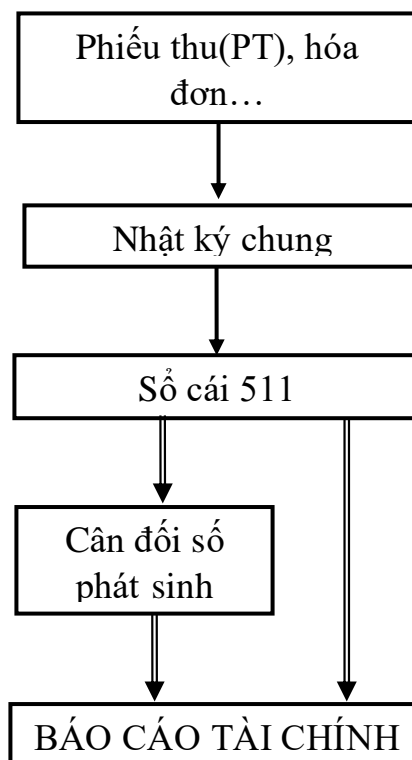
+ Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

- Đối với phiếu thu. Khi khách hàng nộp tiền kế toán lập 2 liên:

+ Liên 1: Lưu tại phòng kế toán làm căn cứ để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan.

+ Liên 2: Giao cho khách hàng.

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ



Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK131, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,511,333...

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập BCTC

VD1: Hóa đơn 0000814 ngày 03/12/2017, phí vận chuyển thép cho công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp từ HP – Bắc Ninh, số tiền cả thuế GTGT là 50.490.000, Chưa thu tiền của khách hàng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và các chứng từ có liên quan. Kế toán định khoản:

Nợ TK131 : 50.490.000

Có TK511 : 45.900.000

Có TK 3331 : 4.590.000

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Lưu nội bộ
Ngày 14 tháng 12 năm 2017

Mẫu số: 01GTKT3/001
Kí hiệu: AA/16B
Số: 0000814

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ

MST: 0200493271

Địa chỉ: Số 316 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Điện thoại:

Fax:

Số TK:

Tại:

Họ và tên người mua hàng:

Đơn vị: Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp

MST: 2300239628

Địa chỉ: KCN Đại Đồng – Tiên Du – Bắc Ninh

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển + Giao nhận lô thép từ HP đến Bắc Ninh	Tấn	300	153.000	45.900.000
Cộng tiền hàng:					45.900.000
Thuế suất: 10%		Thuế GTGT:			4.590.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					50.490.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Tờ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ

Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
	HD 0000788	29/11	V/c thép cho công ty Hưng Thành	131		64.350.000	
					511		58.500.000
					333		5.850.000
	HD 0000789	30/11	V/C thép cho Cty Việt - Hàn	131		92.950.000	
					511		84.500.000
					333		8.450.000

	HD 0000814	03/12	V/c thép của cty Cơ điện Việt Pháp	131		50.490.000	
					511		45.900.000
					333		4.590.000
	
	GBC111	06/12	Cty Việt Pháp thanh toán phí vận chuyển thép	112		50.490.000	
					131		50.490.000
	
			Cộng			230.877.097.455	230.877.097.455

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
*(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)*

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	
	HĐ 0000788	29/11	Tiền v/c thép cho công ty Thành Hưng			131		58.500.000
	HĐ 0000789	30/11	Tiền v/c thép cho công ty Hàn – Việt			131		84.500.000
	
	HĐ 0000814	03/12	Tiền v/c thép cho công ty Việt - Pháp			131		45.900.000
	HĐ 0000815	04/12	Tiền v/c thép cho công ty Hải Long			131		196.000.000
	
	PKT123	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			911	26.208.306.047	
			Cộng số phát sinh				26.208.306.047	26.208.306.047
			SDCK					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp trong quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo.

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ bằng tổng giá thành dịch vụ cung cấp trong kỳ.

Tổng giá thành dịch vụ cung cấp = Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- TK 632: Giá vốn hàng bán

*** Quy trình hạch toán**

- Công ty chỉ sử dụng một tài khoản chi phí là TK 154. Các chi phí phát sinh trong kỳ đều được ghi nhận vào bên Nợ của TK154
- Cuối năm TK 154 được kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ.

Ngày 31/12/2017. Công ty lập phiếu kế toán 122 và thực hiện bút toán kết chuyển ghi:

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN 31/12/2017 Số 122				
Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí SXKD	632	154	22.551.842.584
	Cộng			22.551.842.584
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Người ghi sổ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Từ PKT kế toán vào sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
	PX220	01/12	Xuất 04 bình ắc quy cho bộ phận xe	154		6.530.000	
					152		6.530.000
	PC91	01/12	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	154		2.303.000	
				133		224.300	
					111		2.527.300
			
	PKT122	31/12	Kết chuyển chi phí SXKD	632		22.551.842.584	
					154		22.551.842.584
	PKT124	31/12	K/c giá vốn dịch vụ	911		22.551.842.584	
					632		22.551.842.584
		
			Cộng			230.877.097.455	230.877.097.455

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK154, sổ cái TK632

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
*(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)*

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
	PX220	01/12	Xuất 04 bình ắc quy cho bộ phận xe	152	6.530.000	
	PC91	01/12	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	111	2.303.000	
	
	BPBKH 12	31/03	Trích KH tháng 12	214	1.041.654	
	PKT122	31/03	Kết chuyển chi phí SXKD	632		22.551.842.584
			Cộng số phát sinh		22.551.842.584	22.551.842.584
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
Năm 2017
Loại TK: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
	PKT122	31/12	Kết chuyển chi phí SXKD	154	22.551.842.584	
	PKT124	31/12	K/c giá vốn dịch vụ	911		22.551.842.584
			Cộng số phát sinh		22.551.842.584	22.551.842.584
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty chủ yếu là chi phí về lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, các chi phí khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

* Tài khoản sử dụng

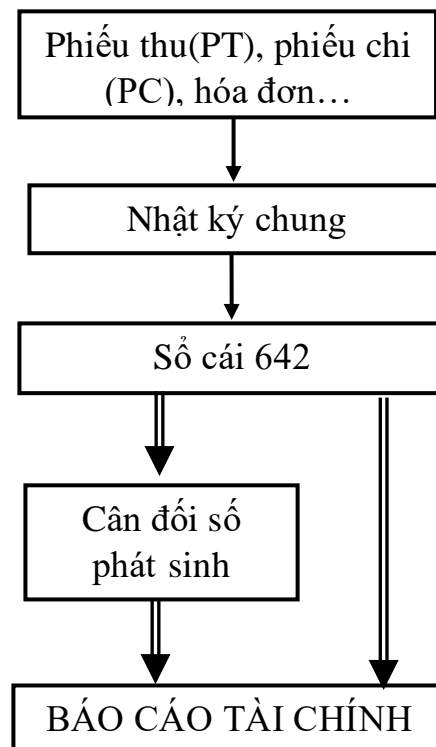
- TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó sử dụng tài khoản chi tiết của TK 642 là:

+ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

* Quy trình hạch toán: Sơ đồ 2.5

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí QLKD tại Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ



Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0164555 và PC ngày 10/12/2017 về việc thanh toán tiền internet tháng 11 dùng cho bộ phận điều hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mã số thuế: 0101778163

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu: TM/16E

Số: 0164555

ID HĐ: MHNA164555

Tên khách hàng (customer's name): **Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ**

MST: 0200493271

Địa chỉ: **Số 316 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng**

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Cước phí từ ngày		01/11/2017	Đến ngày: 30/11/2017	Chi tiết
STT (No)	Khoản (Items)			Số tiền (amount)
1	Cuoc Thue bao (Monthly Fee)			900.000
	Cộng:			900.000
	Thuế suất: 10%	Thuế GTGT:		90.000
	Tổng cộng tiền thanh toán:			990.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm chín mươi nghìn đồng.				

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Người nộp tiền

(Kí, ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao dịch

(Kí, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền,
Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Số: PC118
Nợ TK: 642; 1331

PHIẾU CHI
(Tiền mặt)

Có TK: 111

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Họ và tên người nhận: Nguyễn Thị Quyên

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền internet tháng 11/2017

Số tiền: 990.000

Bằng chữ: Chín trăm chín mươi nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ kế toán

Đã nhận đủ số tiền: Chín trăm chín mươi nghìn đồng.

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký)</i>	Người nhận <i>(Ký)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký)</i>
---	--------------------------------------	---------------------------------------	----------------------------------	-------------------------------

Tờ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
*(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)*

NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
	PX220	01/12	Xuất 04 bình ắc quy cho bộ phận xe	154		6.530.000	
					152		6.530.000
	PC91	01/12	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	154		2.303.000	
				133		224.300	
					111		2.527.300
			
	PC118	10/12	Trả cước internet tháng 11	6422		900.000	
				133		90.000	
					111		990.000
			
	PKT121	31/12	Tính lương cho bộ phận quản lý	6422		184.276.853	
					334		184.276.853
	GBC125	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ NH Viettin 2017	112		102.651	
					515		102.651
	PKT 124	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		3.516.751.910	
					642		3.516.751.910
			
			Cộng			230.877.097.455	230.877.097.455

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
*(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)*

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SĐĐK			
	
	PC11 8	10/12	Trả cước internet tháng 11	111	900.000	
	PC222	15/12	Chi tiền tiếp khách	111	3.200.000	

	PKT 124	31/12	K/C chi phí quản lý	911		3.516.751.910
			Cộng số phát sinh		3.516.751.910	3.516.751.910
			SĐCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi đầu tư góp vốn bên ngoài.

* Tài khoản sử dụng:

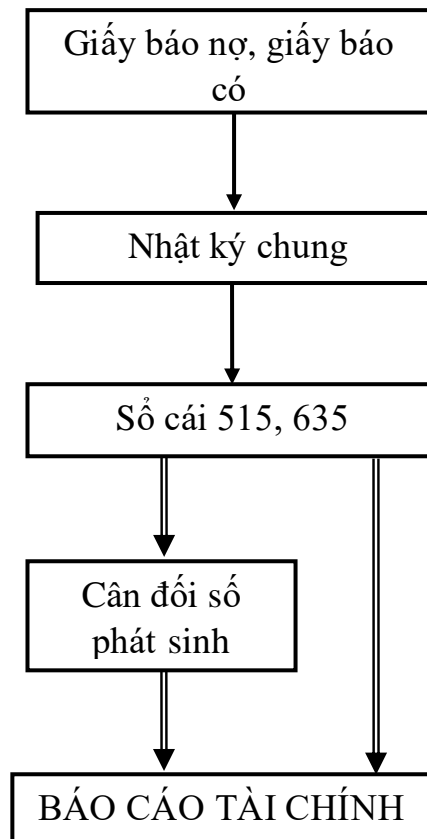
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Trong năm Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ không có chi phí hoạt động tài chính.

* Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính



VD: Căn cứ vào giấy báo có số 125 ngày 31/12/2017 ngân hàng Viettin về việc nhận lãi tiền gửi.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG



GIẤY BÁO CÓ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi : CT TNHH VAN TAI PHONG VU

Số tài khoản :213711091

Địa chỉ : SO 316, PHUONG VAN MỸ, QUAN NGO
QUYEN, HAI PHONG

Loại tiền : VND

Mã số thuế: 0200493271

Loại tài khoản:

Số ID khách hàng: 20016596

Giao dịch: 125

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	102.651
Tổng số tiền	102.651

Số tiền bằng chữ: Một trăm linh hai nghìn sáu trăm năm mươi một nghìn.

Trích yếu: Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 12.../.2017

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Từ chứng từ trên kê toán định khoản các nghiệp vụ phát sinh và ghi vào nhật ký chung.

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
	PX220	01/12	Xuất 04 bình ắc quy cho bộ phận xe	154		6.530.000	
					152		6.530.000
	PC91	01/12	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	154		2.303.000	
				133		224.300	
					111		2.527.300
			
	PC140	24/12	Trả phí dịch vụ chuyển phát nhanh	642			30.000
					111		30.000
			
	GBC12 5	31/12	Nhận lãi tiền gửi 12/2017 từ NH Viettin	112		102.651	
					515		102.651
	PKT 123	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		6.652.083	
					911		6.652.083
			Cộng			230.877.097.455	230.877.097.455

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDĐK			
	
	GBC1 25	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ NH Viettin 12/2017	112		102.651
	PKT 123	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	6.652.083	
			Cộng số phát sinh		6.652.083	6.652.083
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh

Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh Quý I tại Công ty Vận tải Phong Vũ bao gồm

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính

*** Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

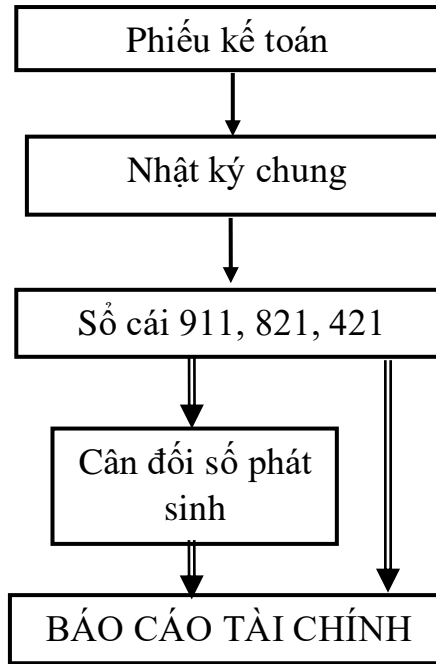
*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821: Thuế TNDN hiện hành
- TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Các tài khoản liên quan: TK 511, 515, 632,...

*** Quy trình hạch toán:**



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

VD: Cuối năm kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán.

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN 31/12/2017 Số 123				
Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	26.208.306.047
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	6.652.083
	Cộng			26.214.958.130

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
---	---	---

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

31/12/2017

Số 124

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Giá vốn hàng bán	911	632	22.551.842.584
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	3.516.751.910
	Cộng			26.068.594.494

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

31/12/2017

Số 125

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Tính thuế TNDN phải nộp	821	3334	32.200.000
	Cộng			32.200.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
PHIẾU KẾ TOÁN
 31/12/2017
 Số 126

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c thuế TNDN	911	821	32.200.000
	Cộng			32.200.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
---	---	---

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
PHIẾU KẾ TOÁN
 31/12/2017
 Số 127

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Lợi nhuận chưa phân phối	911	421	114.163.636
	Cộng			114.163.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
---	---	---

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
	PKT 123	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		26.208.306.047	
					911		26.208.306.047
	PKT 123	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515		6.652.083	
					911		6.652.083
	PKT 124	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	911		22.551.842.584	
					632		22.551.842.584
	PKT 124	31/12	K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		3.516.751.910	
					642		3.516.751.910
	PKT 125	31/12	Tính thuế TNDN phải nộp	821		32.200.000	
					3334		32.200.000
	PKT 126	31/12	K/c thuế TNDN	911		32.200.000	
					821		32.200.000
	PKT 127	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911		114.163.636	
					421		114.163.636
			Cộng			230.877.097.455	230.877.097.455

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
*(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)*

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	PKT 125	31/12	Tính thuế TNDN phải nộp			3334	32.200.000	
	PKT 126	31/12	K/c thuế TNDN			911		32.200.000
			Cộng số phát sinh				32.200.000	32.200.000
			SDCK					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	PKT 123	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		26.208.306.047
	PKT 123	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính			515		6.652.083
	PKT 124	31/12	K/c Giá vốn hàng bán			632	22.551.842.584	
	PKT 124	31/12	K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp			642	3.516.751.910	
	PKT 126	31/12	K/c Thuế TNDN hiện hành			821	32.200.000	
	PKT 127	31/12	Lợi nhuận sau thuế TNDN			421	114.163.636	
			Cộng số phát sinh				26.214.958.130	26.214.958.130
			SDCK					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			<u>402.551.437</u>
	PKT 127	31/12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	911		114.163.636
			Cộng số phát sinh			114.163.636
			SDCK			<u>516.715.073</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG III**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH VẬN TẢI PHONG VŨ****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty**

Mặc dù những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng sau 17 năm hình thành và phát triển, Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ đã tạo cho mình chỗ đứng trên thị trường và ngày càng được khách hàng tín nhiệm. Để đạt được những thành tựu đó không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác tài chính kế toán.

Trong quá trình thực tập tại phòng kế toán của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ, em đã được tìm hiểu, tiếp xúc thực tế với công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng. Em nhận thấy rằng hai công tác này đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý như giúp doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.1.1. Ưu điểm**- Về tổ chức bộ máy kế toán:**

+ Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn mô hình kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp.

+ Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu

nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó ban giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như: ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Về việc vận dụng hệ thống tài khoản:** Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng ở công ty phù hợp với hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.

- **Về hệ thống sổ sách kế toán:** Hệ thống sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, đảm bảo tính khoa học, chính xác đồng thời đảm bảo tính đơn giản, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ có liên quan. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm.

- **Về hệ thống chứng từ:** Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ bảo quản cẩn thận theo quy định.

- **Về công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:**

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý doanh nghiệp luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2. Nhược điểm

- Về phương pháp ghi chép sổ sách:

Dù đã trang bị hệ thống máy vi tính tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán (Misa, vacom,...) mà vẫn chỉ thực hiện thủ công trên Excel nên dễ dẫn việc xảy ra nhầm lẫn, sai sót,...

- Về hệ thống sổ sách:

Kế toán công ty không mở sổ theo dõi chi tiết cho từng khách hàng mà chỉ theo dõi trên sổ cái 131 nên cuối kỳ công tác theo dõi công nợ gặp khó khăn.

- Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng:

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu và thu hút khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt

động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ.

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán Công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao công tác quản lý chi phí tại Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ như sau:

*** Ý kiến 1: Hiện đại hóa công tác kế toán.**

Công ty nên xem xét việc áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc cho nhân viên phòng kế toán và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán để công ty lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, SMART, VACOM,... sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty, giúp phòng kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời, khoa học và đạt hiệu quả cao.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị hệ thống máy vi tính để phục vụ công việc kế toán. Đây là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán trong công ty.

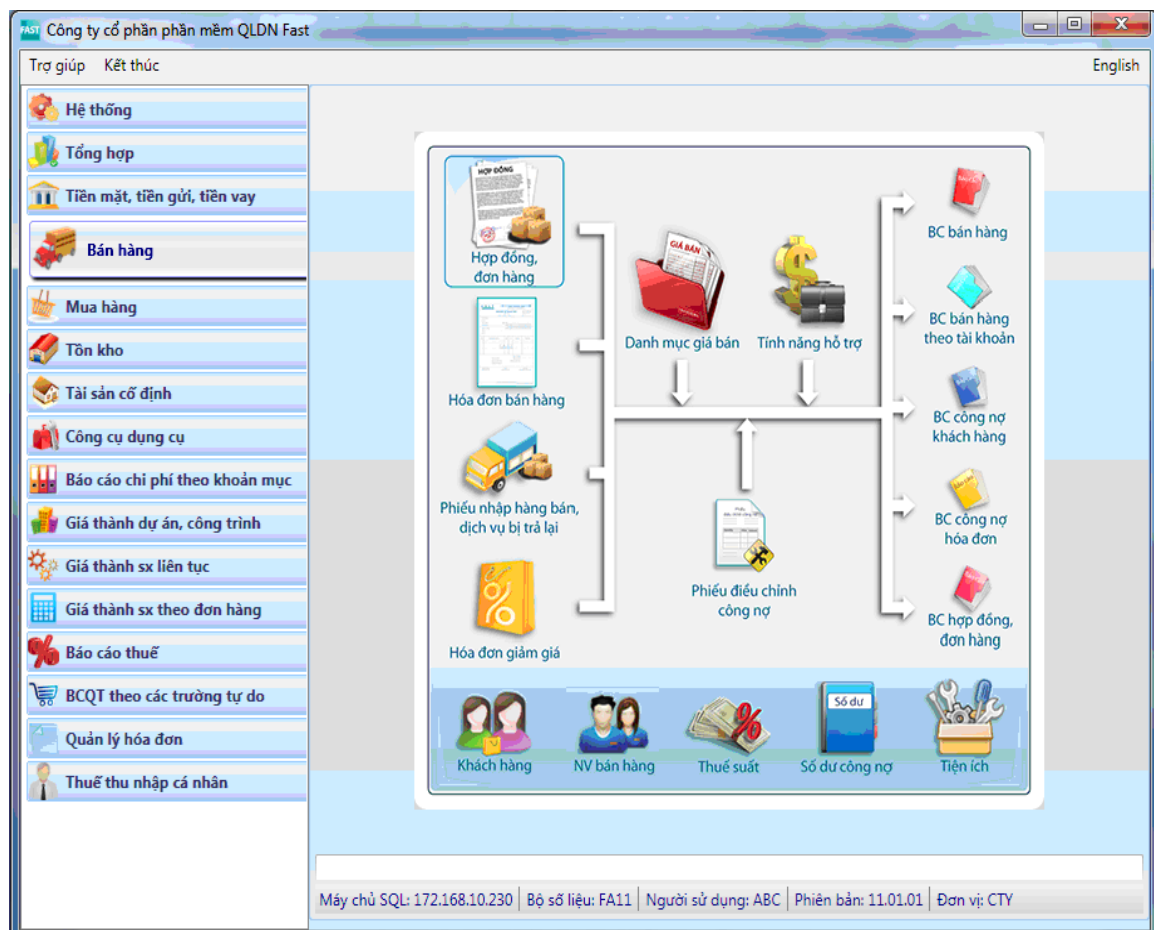
- *Phần mềm Kế toán SMART*: Đây là phần mềm thông dụng và phổ biến hiện nay. Bên cạnh những biểu mẫu tiếng Việt theo quyết định mới nhất, Smart còn có một số mẫu biểu báo cáo tiếng Anh, Báo cáo song ngữ Anh-Việt như: Phiếu Thu, Phiếu Chi, Phiếu Nhập Kho, Phiếu Xuất Kho, Báo Cáo Doanh Thu Chi Phí, Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh, Lưu Chuyển Tiền Tệ, Bảng Cân Đối Kế Toán,

Bảng Cân Đối Phát Sinh.... để phục vụ cho một số bạn làm kế toán cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.



- Phần mềm kế toán Fast Accounting

Đây là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Fast Accounting được phát triển liên tục và hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 9.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Cup CNTT,...



- Phần mềm MISA SME.NET 2018

Đây là phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với MISA, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ nơi đâu, bất cứ khi nào thông qua internet.



Công ty nên chọn sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET vì giá thành hợp lý, tính năng cao, giao diện dễ sử dụng và nó đầy đủ các phần hành kế toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập và xử lý số liệu kế toán.

*** Ý kiến 2: Mở sổ chi tiết theo dõi công nợ .**

Để theo dõi công nợ của từng khách hàng một cách tốt nhất thì kế toán công ty nên mở sổ chi tiết - tài khoản 131 theo từng đầu mục khách hàng.

TK 131 - Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt – Pháp

TK131 - Công ty TNHH Đóng Tàu Hải Long

Cuối kỳ kế toán đối chiếu công nợ của từng khách hàng theo sổ chi tiết và làm bảng tổng hợp công nợ của khách hàng

VD: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000814 ngày 03/12/2017 về việc vận chuyển thép cho công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp và các chứng từ có liên quan. Kế toán định khoản và lập sổ chi tiết 131

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S12 - DNN
(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Năm 2017

Tên khách hàng: Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt – Pháp
TK 131

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			SDDK					
			
	HD 000798	1/12	Phí vận chuyển thép	511	56.500.000		321.550.000	
				3331	5.650.000		327.200.000	
			
	HD 000814	03/12	Phí vận chuyển thép	511	45.900.000		373.100.000	
				3331	4.590.000		377.690.000	
	GBC 111	06/12	Cty Việt Pháp thanh toán phí v/c theo HD 000814	112		50.490.000	327.200.000	
			
			Cộng số phát sinh				725.600.000	725.600.000
			SDCK					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Công ty TNHH Vận Tải Phong Vũ
Số 316 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S12 - DNN
(Ban hành theo TT: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Năm 2017

TK 131

Stt	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Hưng Thành	25.400.000		122.300.000	147.700.000	-	
2	Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt - Pháp			725.600.000	725.600.000	-	
3	Công ty TNHH Đóng tàu Hải Long	45.800.000		425.500.000	471.300.000	-	
4	Công ty Kim khí và xây dựng Thuận Thành	-		985.200.000	985.200.000		
	
	Cộng	1.622.301.210		11.122.291.792	12.774.593.302		30.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

*** Ý kiến 3: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán bởi vì sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng tiền thu hồi hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu.

- Phương pháp xác định:

+ Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của Bộ tài chính. Vì vậy, mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên tình hình thực tế của công ty, lãi suất tiền gửi thanh toán tại ngân hàng doanh nghiệp mở tài khoản và cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

+ Tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải được ghi nhận cụ thể trong hợp đồng kinh doanh được kí kết giữa 2 bên, đây cũng là điều kiện cần và đủ để làm căn cứ thực hiện chiết khấu thanh toán đối với mỗi khách hàng.

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635: Chi phí tài chính

- Phương pháp hạch toán:

+ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131....

+ Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911 : Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

- Ví dụ:

Năm 2017 doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng Á Châu ACB. Tại thời điểm này, mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Á Châu năm 2017 là 6,9%/năm, mức lãi suất cho vay là 10,3%/năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán là 8,5%/năm dựa theo lãi suất ngân hàng Á Châu.

$$\text{Chiết khấu thanh toán được hưởng} = \text{Tổng số tiền thanh toán} \times \text{Tỷ lệ chiết khấu} \times \text{Số ngày thanh toán trước hạn}$$

VD: Ngày 04/05/2017: vận chuyển hàng cho công ty TNHH Đóng tàu Hải Long chưa thu tiền:

Nợ 131 : 132.495.000

Có 511 : 120.450.000

Có 3331 : 12.045.000

Ngày 24/05/2017: Công ty TNHH Đóng tàu Hải Long đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng mua ngày 04/05/2017, mặc dù hạn thanh toán là ngày 03/06/2017. Công ty TNHH Đóng tàu Hải Long đã thanh toán trước 10 ngày. Kế toán tình chiết khấu thanh toán cho công ty TNHH Đóng tàu Hải Long như sau:

Tiền chiết khấu: $132.495.000 \times 10 \times 8,5\% / 360 = 312.835$

Nợ TK635 : 312.835

Có TK111 : 312.835

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận kết hợp với tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ, khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ” đã hoàn thành và khái quát được một số vấn đề sau:

* Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp; hệ thống các báo cáo tài chính; yêu cầu, nguyên tắc tính toán các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

* Về mặt thực tiễn: Đề tài đã phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ thông qua số liệu thực tế năm 2017.

Đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ, trong đề tài em đã mạnh dạn trình bày một số kiến nghị của mình với hy vọng góp phần giúp cho doanh nghiệp hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho hợp lý, đúng với chế độ kế toán, khắc phục được những hạn chế trong thời gian tới để công ty đạt được những thành tích lớn hơn nữa, tự khẳng định mình trên thị trường.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các cô, chú cán bộ Công ty TNHH Vận tải Phong Vũ, của các thầy cô và cô giáo hướng dẫn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty và cô giáo hướng dẫn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp* theo Quyết định 48 (2006), Bộ Tài chính.
2. Bộ Tài chính, *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp* theo Thông tư 133(2016), Bộ Tài chính.
3. Bộ Tài chính, 333 sơ đồ kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính (2012).
4. Bộ Tài chính, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 100 (2015), Bộ Tài chính.
5. Trần Xuân Nam, Kế toán tài chính, Nhà Xuất bản Thống kê (2012).
6. Sổ sách, tài liệu của công ty.